

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/DS-ST.

Ngày 22-5-2018.

V/v tranh chấp: “Hợp đồng dân sự
vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Văn Mụm.

Ông Cao Hoài Hiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Lương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2017/TLST-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “*hợp đồng dân sự vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

- Ông Lê Văn Ch, sinh năm 1966. Địa chỉ: Ấp Ban, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Có mặt.

- Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp Ban, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của bà Ph: Ông Lê Văn Ch, là người đại diện theo ủy quyền. (Văn Bản ủy quyền ngày 09/6/2017).

Bị đơn:

- Ông Lê Văn H, sinh năm 1972; Có mặt.

- Bà Võ Thị Th, sinh năm 1978; Có mặt.

- Anh Lê Văn Qu, sinh năm 1995; Vắng mặt, có đơn xin.

- Anh Lê Văn B, sinh năm 1997. Vắng mặt, có đơn xin.

Cùng địa chỉ: Ấp Ban, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, ông Ch trình bày: Do là

bạn bè quen biết nhau nên vợ chồng ông có cho gia đình ông H, bà Th, anh Qu, anh B vay tiền nhiều lần. Cụ thể, ngày 03/02/2015 (âm lịch) ông cho vay 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, việc cho vay không làm giấy tờ. Ngày 05/02/2015 bà Th dẫn con là Qu qua nhà ông vay thêm số tiền 6.000.000 (Sáu triệu) đồng, để đóng tiền phạt xe, lần này cũng không có làm giấy tờ, cũng không có ai khác biết. Đến ngày 28/12/2014 (âm lịch) tức ngày 16/02/2015, ông cho vay thêm số tiền 140.000.000 (Một trăm bốn mươi triệu) đồng, hai bên có thỏa thuận trong vòng 10 ngày sẽ hoàn trả nên không có làm giấy vay tiền, ông H, bà Th nói với ông là vay tiền của ông để cầm cố xe trong những ngày tết kiếm tiền, lần này không có ai khác ngoài ông và gia đình 04 người của ông H biết.

Một thời gian sau ông có cho gia đình ông H vay tiếp số tiền 7.000.000 (Bảy triệu) đồng. Lần cho vay này không có làm giấy tờ, không ai chứng kiến để biết, ông cũng không nhớ ngày tháng năm.

Hai bên thỏa thuận lãi suất là 6%/tháng nhưng từ lúc vay đến nay gia đình ông H chưa trả cho ông bất cứ khoản tiền lãi nào.

Tổng số tiền gia đình ông H nợ ông là 183.000.000 (Một trăm tám mươi ba triệu) đồng. Sau một thời gian dài gia đình ông H không trả bất cứ số tiền nào cho vợ chồng ông nên ông mới nhờ ông Xuân đến nhà ông H để làm giấy nợ. Ngày 10/3/2015 (âm lịch) vợ chồng ông và bốn người trong gia đình ông H (H, Th, Qu, B) cùng với ông Trịnh Ngọc Xuân có mặt tại gia đình ông H. Ông H là người viết giấy nợ với nội dung là gia đình ông H có nợ vợ chồng ông số tiền 183.000.000 (Một trăm tám mươi ba triệu) đồng, hàng tháng trả số tiền gốc 4.000.000 (Bốn triệu) đồng và lãi 4.000.000 (Bốn triệu) đồng, gia đình 04 người của ông H đều có ký tên và điểm chỉ. Từ lúc làm giấy vay tiền trên gia đình ông H cũng chưa trả cho ông bất cứ khoản tiền gốc, lãi nào cả.

Nay ông có nguyện vọng: Ông thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu vợ chồng ông H, bà Th và hai người con là Qu và B trả cho vợ chồng ông số tiền gốc là 183.000.000 (Một trăm tám mươi ba triệu) đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Võ Thị Th trình bày: Số tiền gốc bà nợ vợ chồng ông Ch là 124.000.000 (Một trăm hai mươi bốn triệu) đồng, không phải là 183.000.000 (Một trăm tám mươi ba triệu) đồng. Số tiền trên là do vợ chồng ông Ch đã cộng dồn lãi và gốc nhưng bà không có chứng cứ để chứng minh số tiền trên là từ tiền gốc 124.000.000 (Một trăm hai mươi bốn triệu) đồng cộng với tiền lãi thành số tiền 183.000.000 đồng. Vợ chồng bà có đóng lãi đầy đủ từ lúc vay đến ngày 10/3/2015 với số tiền lãi là 6%/tháng. Việc đóng lãi bà cũng không có chứng cứ chứng minh. Bà thừa nhận ngày 10/3/2015 ông H có làm giấy nợ, vợ chồng bà và hai người có trai của bà là Qu và B ký tên, điểm chỉ vào giấy nợ nhưng các con bà chỉ ký tên xác nhận với ông Ch việc vợ chồng bà có nợ số tiền trên với ông Ch chứ các con bà không có liên quan gì đến số nợ trên. Nay bà đồng ý trả số tiền 183.000.000 đồng cho vợ chồng ông Ch nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bị đơn ông H trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Th. Ông đồng ý trả cho vợ chồng ông Ch, bà Ph số tiền 183.000.000 (Một trăm tám mươi ba triệu) đồng, trả dần mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bị đơn anh Lê Văn Qu trình bày thể hiện trong hồ sơ tại biên bản lấy lời khai ngày 04/12/2017: Cha mẹ của anh là ông H, bà Th có vay tiền của ông Ch nhiều lần, anh không nhớ rõ cụ thể các lần, anh chỉ có 01 lần cùng với bà Th đến nhà ông Ch vay

tiền với số tiền 10.000.000 đồng. Mục đích vay tiền để xoay sở kinh tế trong gia đình. Anh được biết cha mẹ anh và ông Ch có tính số tiền còn nợ là 183.000.000 (Một trăm tám mươi ba triệu) đồng, nay anh đồng ý cùng với cha mẹ trả số nợ trên cho ông Ch nhưng xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Bị đơn anh Lê Văn B: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng anh B đều cố tình vắng mặt, tuy nhiên có thể hiện ý kiến trong đơn xin vắng mặt ngày 22/5/2018 với nội dung đồng ý trả số tiền 183.000.000 (Một trăm tám mươi ba triệu) đồng cho ông Ch, xin trả dần mỗi tháng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn;

- Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn ông H, bà Th thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng; Bị đơn anh Qu, anh B không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng. Cụ thể, anh Qu, anh B không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần.

2. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005, quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn Ch, bà Phạm Thị Ph đối với ông Lê Văn H, bà Võ Thị Th, anh Lê Văn Qu và anh Lê Văn B;

Buộc ông Lê Văn H, bà Võ Thị Th, anh Lê Văn Qu và anh Lê Văn B có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn Ch, bà Phạm Thị Ph số tiền 183.000.000 đồng. Ghi nhận ông Ch, bà Ph không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tố tụng: Anh Qu, anh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt anh Qu, anh B là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung: Giữa ông Lê Văn Ch, bà Phạm Thị Ph và gia đình ông Lê Văn H, bà Võ Thị Th, anh Lê Văn Qu, anh Lê Văn B có xác lập hợp đồng dân sự vay tài sản nhiều lần, tuy nhiên giữa hai bên không lập thành văn bản. Đến ngày 10/3/2015 (âm lịch) hai bên có mời ông Trịnh Ngọc Xuân đến tại nhà ông H chứng kiến việc hai bên lập “giấy vay tiền” do ông H viết tay với nội dung “Gia đình chúng tôi đồng đứng tên Lê Văn H, Võ Thị Th và con Lê Văn Qu, Lê Văn B, hộ khẩu thường trú: ấp Ban, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Gia đình chúng tôi có nhờ vợ chồng anh Lê Văn Ch và Phạm Thị Ph số tiền là, chúng tôi cam kết mỗi tháng sẽ trả đúng 4.000.000 đồng, tiền lãi 4.000.000 đồng cho đến hết số tiền vay: Tổng số tiền là 183.000.000, một trăm tám mươi ba triệu”. Ông H, bà Th, anh Qu, anh B đều ký tên, điểm chỉ. Ông H, bà Th, anh Qu đều thừa nhận nội dung trên nhưng ông H và bà Th khẳng định tổng số tiền gốc đã vay của ông Ch là 124.000.000 đồng, không phải 183.000.000 đồng và chỉ có ông H, bà

Th vay tiền, không liên quan đến anh Qu, anh B. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông H, bà Th đều không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, theo lời trình bày của ông Xuân cung cấp tất cả thành viên của gia đình ông H đều tham gia vay tiền của ông Ch để sử dụng vào mục đích phục vụ kinh tế và nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Từ những căn cứ trên khẳng định ông H, bà Th, anh Qu, anh B có vay của ông Ch, bà Ph tổng cộng số tiền 183.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của ông Ch, bà Ph đối với ông H, bà Th, anh Qu, anh B là có cơ sở và phù hợp với quy định tại các Điều 471, 474, 478 Bộ luật dân sự năm 2005, là hợp đồng dân sự vay tài sản có kỳ hạn, có lãi suất nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ch, bà Ph.

[2] Về lãi suất: Ông Ch, bà Ph thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính lãi suất do đó Tòa án không xem xét phần lãi suất. Mặt khác, ông H và bà Th cho rằng từ lúc vay tiền có trả tiền lãi suất cho ông Ch với mức lãi suất 6%/tháng nhưng lại không đưa ra được chứng cứ để chứng minh.

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí: ông H, bà Th, anh Qu, anh B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản của ông Lê Văn Ch, bà Phạm Thị Ph đối với ông Lê Văn H, bà Võ Thị Th, anh Lê Văn Qu, anh Lê Văn B.

2. Buộc ông Lê Văn H, bà Võ Thị Th, anh Lê Văn Qu, anh Lê Văn B có nghĩa vụ liên đới phải trả cho ông Lê Văn Ch, bà Phạm Thị Ph số tiền 183.000.000 (Một trăm tám mươi ba triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Ông Lê Văn H, bà Võ Thị Th, anh Lê Văn Qu, anh Lê Văn B phải chịu Ch 9.150.000 (Chín triệu một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Lê Văn Ch 4.575.000 (Bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009324 ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

4. Quyền kháng cáo: Ông Ch, bà Ph, ông H, bà Th được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Qu, anh B

được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- *Dương sự;*
- *VKSND H. Trảng Bàng;*
- *Chi cục THADS H. Trảng Bàng;*
- *TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Tài

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA